

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Trần Thành Nam

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: tranthanhnam@gmail.com

(Ngày nhận bài: 14/10/2023, ngày nhận bài chỉnh sửa: 25/10/2023, ngày duyệt đăng: 18/12/2023)

TÓM TẮT

Ở Việt Nam, chưa có một chương trình phòng chống xâm hại tình dục một cách hệ thống được triển khai trong nhà trường cho các học sinh. Mục đích chính của nghiên cứu này là điều tra tính hiệu quả của chương trình phòng chống xâm hại tình dục trẻ em trên cơ sở trường học đối với khối học sinh tiểu học (lớp 4 và 5). Thiết kế nghiên cứu bán thực nghiệm trước sau được sử dụng. Có 448 học sinh lớp 4 và lớp 5 đã tham gia nghiên cứu. Nội dung tập huấn gồm 7 chủ đề chính được triển khai liên tục trong 4 tuần (mỗi tuần 1 buổi). Kết quả cho thấy chương trình có hiệu quả trong công tác phòng ngừa ban đầu (nâng cao kiến thức và nhận thức của trẻ cũng như kiến thức về kỹ năng phòng chống) qua so sánh trước và sau can thiệp.

Từ khóa: Xâm hại tình dục trẻ em, học sinh tiểu học, chương trình giáo dục

1. Đặt vấn đề

Xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em đang là một vấn nạn được xã hội đặc biệt quan tâm và chưa được phòng ngừa ngăn chặn triệt để. Theo thống kê toàn cầu năm 2014 của Tổ chức Y tế Thế giới và Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm & Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (WHO, UNOCD & UNDP, 2014), trên 133 quốc gia với 6,1 tỉ người thì có đến 25% những người trưởng thành, 20% phụ nữ trong mẫu khảo sát đã tiết lộ họ là nạn nhân của xâm hại và xâm hại tình dục khi còn nhỏ. Hiệp hội quốc gia phòng chống bạo hành trẻ em của Vương quốc Anh (NSPCC, 2009) cũng thống kê cho biết hằng năm có khoảng 500.000 trẻ em tại Anh bị xâm hại dưới nhiều hình thức khác nhau.

Tại Việt Nam, mặc dù nhiều chính sách bảo vệ trẻ em đã được triển khai với sự tham gia của 17 cơ quan bảo vệ trẻ em, con số thống kê cho thấy số lượng vụ việc vẫn có xu hướng gia tăng

(theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2017). Còn theo Cục Trẻ em (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), từ 2020-2022 phát hiện 5.693 vụ, 6.514 đối tượng, xâm hại 5.904 trẻ em, trong đó trẻ em là nạn nhân dưới 6 tuổi chiếm tỷ lệ 7,02% (năm 2020), 6,54% (năm 2021), 6,65% (năm 2022); hiệp dâm trẻ em tăng cả về số vụ, số đối tượng và nạn nhân. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu vẫn khẳng định đây chỉ là bề nổi của tảng băng chìm.

Một trong những chiến lược phòng chống xâm hại tình dục trẻ em hiệu quả nhất là các chương trình giáo dục được thiết kế để trên cơ sở môi trường học đường. Trên thế giới, những chương trình giáo dục như vậy đã xuất hiện lần đầu tiên ở Mỹ từ những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước. Chiến lược phòng ngừa trên cơ sở trường học được chọn vì có khả năng tiếp cận số lượng lớn học sinh và khả năng tiếp cận của chuyên gia với tiếp cận liên ngành từ giáo viên, chuyên gia sức khỏe tâm

thần, chuyên gia y tế, công an, nhân viên công tác xã hội (Davis & Gidycz, 2000).

Dù tại Việt Nam hiện nay có nhiều chương trình giáo dục phòng ngừa được triển khai áp dụng trên thực tế nhưng hầu hết những tài liệu này (gồm cả tài liệu văn bản và video) là tài liệu nước ngoài được biên dịch lại bởi các tổ chức phi chính phủ hoặc do các tác giả Việt Nam biên soạn dựa trên tài liệu nước ngoài. Có thể kể đến các chương trình, tài liệu như: “Tài liệu tập huấn an toàn cho trẻ em, Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh” của Sinart King & Lynne Benson (2006); “Tài liệu tập huấn phòng chống bạo hành và xâm hại trẻ em” của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long & Room to Read (2017); “Hãy tôn trọng cơ thể tôi”, Tổ chức cứu trợ Trẻ em Thụy Điển (2014); “Cẩm nang giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại, “Luật bàn tay” và “Nguyên tắc đồ lót”” của tác giả Hải (2016); “Cẩm nang phòng chống xâm hại cho con – Phụ huynh cần biết” của tác giả Phạm Thị Thúy (2017); “Những bảo bối của hiệp sỹ Tani – Trẻ em bảo vệ trẻ em” của nhóm tác giả Trần Lê Thảo Nhi, Đào Trung Uyên (2017); Bộ tài liệu “Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em – hướng dẫn thảo luận với cha mẹ và người chăm sóc trẻ”, “Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em – tài liệu cho trẻ em” của Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc và Tổ chức Tầm nhìn thế giới (Austrian Aids & World Vision, 2014a, 2014b); Bộ sách “Kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học” và “Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường cho học sinh” của Huỳnh Văn Sơn và nnk. (2017a, 2017b). Đây đều là những bộ tài liệu đang được sử dụng trong công

tác giáo dục cộng đồng phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em.

Có trong tay rất nhiều chương trình, nhưng điều đáng nói là chúng ta không biết rõ các chương trình giáo dục phòng ngừa được triển khai như thế nào, hiệu quả ra sao. Chính vì vậy, nghiên cứu này muốn kiểm chứng hiệu quả của việc triển khai một chương trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh.

2. Xây dựng chương trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em

Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các chương trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em được triển khai có hiệu quả trong nước và trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu cho thấy các chương trình can thiệp thường tập trung vào giai đoạn học sinh tiểu học và đầu giai đoạn trung học cơ sở. Nội dung giảng dạy của các chương trình thường bao gồm các vấn đề chính như: (1) Giới thiệu về phổ hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục; (2) Quyền bất khả xâm phạm về thân thể cá nhân; (3) Hành vi dẫn dụ làm thân; (4) Nhận diện các tình huống an toàn và không an toàn; (5) Cách nói không một cách nhất quán và tự tin; (6) Tầm quan trọng và cách thức chia sẻ những bí mật với người lớn; (7) Nhận diện các dạng động chạm phù hợp/không phù hợp. Phương pháp tổ chức giảng dạy rất đa dạng, gồm các hình thức trực tuyến và trực tiếp kết hợp. Trong quá trình giảng dạy có chiếu phim, đóng vai trong tình huống sân khấu hóa. Những chương trình có hiệu quả luôn có phần giới thiệu những nội dung giáo dục với cha mẹ của trẻ và có mạng lưới kết nối sau khóa tập huấn giữa học sinh – cha mẹ - nhà trường – các tổ chức bảo vệ trẻ em và các số điện

thoại hỗ trợ khẩn cấp. Tuy nhiên, trong giới hạn của nghiên cứu, chúng tôi thiết kế nội dung bài giảng phòng chống xâm hại tình dục tập trung vào 7 nội dung đã được nêu trên kết hợp với các video clip minh họa cho các nội dung cũng như các tài liệu phát tay hình ảnh có thể in ra để giới thiệu đến học sinh.

Để đánh giá về hiệu quả của một chương trình giáo dục XHTD, các nghiên cứu cho thấy cần đánh giá trên các khía cạnh sau khi tập huấn thì (1) trẻ có tiết lộ các tình huống nguy cơ bị xâm hại tình dục cho người lớn hay không; (2) kiến thức về có liên quan đến các nội dung phòng chống xâm hại tình dục có tăng lên hay không (Ví dụ như có nhận diện được tình huống nào là an toàn, tình huống nào là xâm hại, có hiểu biết và trình bày lại được với người khác về quyền bất khả xâm phạm cơ thể...); (3) thời gian duy trì những kiến thức, kỹ năng đã học được sau khi kết thúc chương trình tập huấn (Ví dụ như mức hiểu biết và kỹ năng 3 tháng, 6 tháng sau tập huấn như thế nào); (4) năng lực tâm lý sau chương trình tập huấn (Ví dụ như trẻ biết thể hiện thái độ với hành vi tiêu cực; tăng lòng tự trọng, tăng lòng tự tin, cương quyết và nhất quán khi nói không); (5) kỹ năng tự bảo vệ bản thân (Ví dụ: đo qua việc cá nhân xử lý các tình huống khi được yêu cầu một cái ôm, vuốt tóc, đụng chạm vào cầm... hay các tình huống dẫn dụ hoặc mua chuộc trẻ...); (6) cảm nhận tích cực về nội dung chương trình giáo dục.

3. Quy trình và phương pháp tổ chức thực nghiệm

Bài giảng được giới thiệu đến học sinh trong quá trình tác giả thực tập giảng dạy tại trường. Mỗi lớp được dạy

trong 4 tuần tập trung vào các nội dung gồm: (1) Giới thiệu về phổ hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục; (2) Quyền bất khả xâm phạm về thân thể cá nhân; (3) Hành vi dẫn dụ làm thân; (4) Nhận diện các tình huống an toàn và không an toàn; (5) Cách nói không một cách nhất quán và tự tin; (6) Tầm quan trọng và cách thức chia sẻ những bí mật với người lớn; (7) Nhận diện các dạng động chạm phù hợp/không phù hợp.

Có 448 học sinh lớp 4 và lớp 5 của trường Tiểu học Xuân Đình được tiếp cận với các nội dung tập huấn. Trong đó, tỷ lệ học sinh giữa khối 4 và khối 5 là 48,21% và 51,79%; tỷ lệ học sinh nam và học sinh nữ là 44,6% nam (200 học sinh nam) và 55,4% nữ (248 học sinh nữ).

Để đánh giá về tác động của chương trình giáo dục, chúng tôi tiến hành khảo sát các yếu tố nhận thức của học sinh về XHTD tại hai thời điểm trước khi tiến hành giảng thực nghiệm và sau khi tiến hành thực nghiệm. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu

Trong phần này, chúng tôi trình bày kết quả sự thay đổi về nhận thức của học sinh về XHTD trước và sau khi tham gia tập huấn thể hiện trên các khía cạnh khả năng nhận diện các hành động XHTD, các dấu hiệu của XHTD, hậu quả của XHTD.

Liên quan đến khả năng nhận diện các hành động XHTD của học sinh tiểu học ở hai khối lớp 4 và lớp 5, Trường Tiểu học Xuân Đình trước và sau khi học chương trình giáo dục, số liệu thu được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Tỷ lệ % nhận thức của học sinh tiểu học về các hành động XHTD trước và sau tập huấn

Theo con, đâu là những hành động xâm hại tình dục?	Trước			Sau		
	ĐTB	Không là XHTD	XHTD	ĐTB	Không là XHTD	XHTD
1. Con bị người nhà đánh đập, không được quan tâm chăm sóc.	2,1	72,3	9,8	2	77,1	0
2. Con bị người khác nhìn chằm chằm vào bộ phận riêng tư trên cơ thể con hoặc cố tình để lộ vùng riêng tư của họ cho con nhìn thấy.	4,3	8	87,5	4,8	0	100
3. Người khác trêu chọc con một cách quá đáng.	2,4	58	16,1	2,1	67,9	0
4. Con sang nhà bạn chơi, anh trai của bạn cho con xem các phim ảnh không lành mạnh, khiêu dâm.	3,8	11,6	67	4,4	0	100
5. Chú hàng xóm động chạm vào những nơi nhạy cảm trên cơ thể con.	4,8	0	100	4,9	0	100
6. Bác sĩ thăm khám cơ thể con khi được sự cho phép của bố mẹ.	1,3	93,8	1,9	1,2	96,4	0
7. Một người quen của bố mẹ bắt con chạm vào vùng riêng tư của họ hoặc chạm vào vùng riêng tư của con.	4,5	2,7	92	4,7	0	100
8. Một người con mới quen dắt con đi vào ngõ vắng, tìm cách rủ con đi chơi khi chưa được sự đồng ý của bố mẹ.	3,2	24,1	39,3	4,2	0	94,6
9. Khi con đi học, các cô giáo bỏ mặc con, không cho con ăn, uống,...	1,9	80,4	5,4	2,1	63,4	0
10. Bạn bè kể cho con nghe những câu chuyện tục tĩu, không phù hợp với lứa tuổi của con.	3,2	20,5	40,2	4,2	0	96,4
11. Bảo vệ ở trường nói với con những lời thô thiển, tục tĩu về các bộ phận nhạy cảm.	3,7	12,5	64,3	4,4	0	100
12. Một anh trong khu nhà con	4,7	3,6	94,6	4,8	0	100

Theo con, đâu là những hành động xâm hại tình dục?	Trước			Sau		
	ĐTB	Không là XHTD	XHTD	ĐTB	Không là XHTD	XHTD
ép con tham gia những hành vi tình dục với anh ta.						
13. Có người chạy lại ôm ấp con khi con không muốn.	3,7	15,2	69,6	4	0	71,4
14. Anh trai bạn rủ con đi chơi vào những chỗ vắng, ít người.	3,2	22,3	37,5	4	0	78,6
15. Các bạn chỉ trích, bàn tán về các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể con.	3,8	4,5	67,9	4,4	0	99,1

Qua việc phân tích, đánh giá khả năng nhận diện các hành động XHTD của học sinh khối 4 và khối 5, có thể thấy rằng trước khi học, có học sinh đã bước đầu nhận diện được các trường hợp XHTD, hành động nào là XHTD, hành động nào không phải XHTD. Tuy nhiên, các em mới chỉ phân biệt được ở những tình huống có thể thấy rõ ràng đó là hành vi XHTD (như chằm chằm vào bộ phận riêng tư trên cơ thể con hoặc cố tình để lộ vùng riêng tư, xem phim khiêu dâm, nói chuyện tục tĩu...), còn những trường hợp khác, học sinh vẫn hay bị nhầm giữa XHTD (bị dẫn dụ, ôm ấp) với xâm hại, và có lẽ phần đa các câu trả lời của các em đều do cảm tính. Nguyên nhân có thể là các em chưa có

điều kiện để tiếp cận, đọc và tìm hiểu rõ về XHTD, chưa có những chương trình hay biện pháp giáo dục học sinh về XHTD.

Sau khi học xong chương trình, học sinh đã có những nhận thức rõ ràng về XHTD, các em nhận diện được các trường hợp, hành động một cách chuẩn xác hơn và không còn mang tính cảm tính. Bên cạnh đó, các em cũng phân biệt được các hành động này là XHTD thông qua các kênh nhìn, nói, động chạm, dẫn dụ đưa đi.

Vậy khi đã nhận diện được các hành động đó thì nhận thức về XHTD của học sinh như thế nào? Số liệu khảo sát được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2: Tỷ lệ % nhận thức của học sinh tiểu học về quan điểm, thực trạng XHTD trước và sau tập huấn

	Trước		Sau	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
1. XHTD chỉ là trêu đùa.	0,0	100	0,0	100
2. XHTD là trái pháp luật.	99,1	0,9	100	0,0
3. XHTD có thể xảy ra với mọi trẻ em thuộc mọi hoàn cảnh khác nhau.	96,4	3,6	100	0,0
4. Trẻ em trong độ tuổi từ 10 – 17 thường bị XHTD.	61,6	38,4	100	0,0

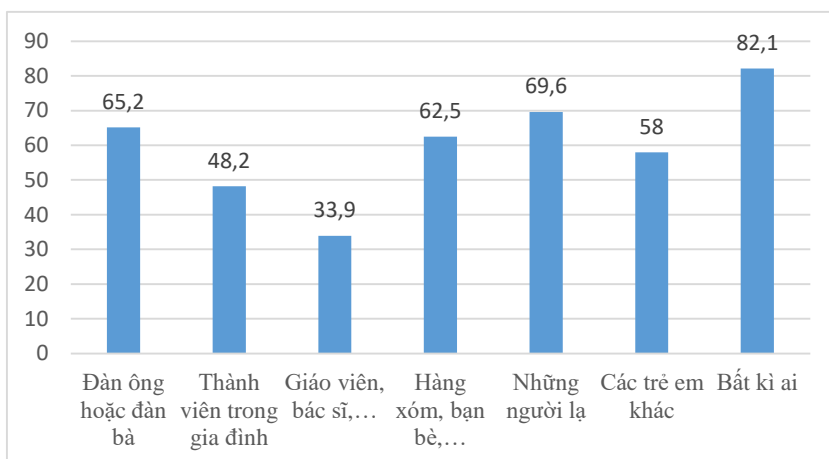
	Trước		Sau	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
5. Nạn nhân của XHTD là trẻ em nữ.	38,4	61,6	0,0	100
6. XHTD gây ra những tổn thương nghiêm trọng cả về thể chất và tinh thần cho trẻ em.	96,4	3,6	100	0,0
7. Nói những lời tục tĩu không phải là XHTD, phải động chạm, sờ vào người khác mới là XHTD.	40,2	59,8	0,0	100
8. Trẻ em nam cũng là nạn nhân của XHTD, không chỉ có trẻ em nữ.	69,8	30,2	100	0,0
9. XHTD không nghiêm trọng – đó chỉ là một hình thức giải trí.	0,0	100	0,0	100
10. XHTD thường bị gây ra bởi ai?				
a. Đàn ông hoặc đàn bà.	65,2	34,8	100	0,0
b. Thành viên trong gia đình (cha, mẹ, cô, chú,... họ hàng).	48,2	51,8	100	0,0
c. Giáo viên, bác sĩ,...	33,9	66,1	100	0,0
d. Hàng xóm, bạn bè,...	62,5	37,5	100	0,0
e. Những người lạ.	69,6	30,4	100	0,0
f. Các trẻ em khác, thanh thiếu niên,...	58,0	42,0	100	0,0
g. Mọi người – bất kỳ ai.	82,1	17,9	100	0,0

Khi khảo sát học sinh về quan điểm “XHTD có thể xảy ra với mọi trẻ em thuộc mọi hoàn cảnh khác nhau”, chúng tôi thu được kết quả trước khi dạy chương trình giáo dục là 96,4% số học sinh cho rằng điều này là đúng, 3,6% số học sinh cho rằng không đúng; sau khi học, 100% số học sinh lựa chọn đây là quan điểm đúng. XHTD xảy ra không phân biệt đối tượng, lứa tuổi hay hoàn cảnh sống của đối tượng, Chính vì vậy mà mọi trẻ em đều có thể bị XHTD.

Điều đáng nói ở đây là trước khi học chương trình giáo dục, có một bộ phận học sinh cho rằng chỉ có các bạn nữ mới là người bị XHTD (chủ yếu là

các học sinh nam). Dù XHTD thường xảy ra với đối tượng là các bạn nữ nhưng không có nghĩa là các bạn nam không bị XHTD. Vì thế, ở quan điểm thứ 8 “Trẻ em nam cũng là nạn nhân của XHTD, không chỉ có trẻ em nữ”, cũng có sự chênh lệch trong phương án trả lời của học sinh (69,8% số học sinh chọn là đúng; 30,2% số học sinh lựa chọn là sai).

Vậy XHTD thường được gây ra bởi ai? Bởi người nào hay nhóm người nào? Khi tiến hành khảo sát ý kiến của học sinh, chúng tôi đã tổng hợp được kết quả thể hiện ở hình 1.



Hình 1: Biểu đồ tỷ lệ % ý kiến của học sinh về những người (nhóm người) gây ra XHTD (trước khi học chương trình giáo dục)

Từ biểu đồ hình 1, có thể thấy trước khi học chương trình giáo dục, học sinh nhận diện tất cả những đối tượng này đều có khả năng gây ra XHTD ở mức độ vừa và cao. Sau khi học xong chương trình giáo dục, tất cả những đối tượng kể trên đều được các em đồng ý đó là thủ phạm XHTD. Theo các nghiên cứu đi trước, 93% thủ phạm XHTD là người quen của các em. Chính vì vậy, ai cũng có thể là thủ phạm XHTD. Việc khiếu nại, tố cáo thủ phạm XHTD là vô cùng cần thiết. Trước hết, các em cần

nói với những người lớn an toàn để tiến hành kiểm tra sức khỏe và điều tra, làm rõ để giúp các em bớt lo lắng, sợ hãi; từ đó giúp các em giảm bớt các gánh nặng về tâm lý, nỗi ám ảnh. Việc điều tra và xử lý các đối tượng XHTD cần phải được thực hiện một cách hết sức nghiêm túc.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát về các dấu hiệu cho thấy trẻ bị XHTD. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3: Tỷ lệ % nhận diện dấu hiệu XHTD trước và sau tập huấn

	Trước		Sau	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
11. Dấu hiệu cho thấy con bị XHTD là				
a. Một người nào đó động vào bộ phận sinh dục của con	96,4	3,6	100	0
b. Bố mẹ thay đồ, tắm cho con	7,1	92,9	0	100
c. Bạn con cho con xem một bộ ảnh toàn người khỏa thân	66,1	33,9	100	0
d. Bác con vào phòng con và muốn sờ mó khắp người con	97,3	2,7	100	0
e. Bác sĩ đang nhìn vào cơ thể con để kiểm tra sức khỏe	15,2	84,8	0	100
f. Cô giáo vỗ vào mông con khi giúp đỡ con xong một việc nào đó	36,6	63,4	100	0
g. Khi mẹ đón con đi học về, hai mẹ con ôm hôn nhau	10,7	89,3	0	100

Ở tình huống a) “Một người nào đó động vào bộ phận sinh dục của con”, có 96,4% số học sinh cho rằng đó là dấu hiệu của XHTD. Tương tự, với tình huống d) “Bác con vào phòng con và muốn sờ mó khắp người con”, 97,3% số học sinh đã nhận diện được dấu hiệu XHTD. Đây là hai trường hợp dấu hiệu XHTD được thể hiện một cách rõ ràng, chính vì vậy dù chưa học chương trình giáo dục, học sinh cũng dễ dàng nhận biết được; chỉ có một phần nhỏ học sinh là lựa chọn sai ở hai tình huống này (3,6% ở tình huống a và 2,7% ở tình huống d).

Tuy nhiên, khi khảo sát ở hai tình huống c) “Bạn con cho con xem một bộ ảnh toàn người khỏa thân” và tình huống f) “Cô giáo vỗ vào mông con khi giúp đỡ con xong một việc nào đó”, các em học sinh có sự lựa chọn

theo cảm tính, suy nghĩ hay ý kiến của mình khi đã gặp những tình huống này (33,9% em không cho rằng tình huống c) là dấu hiệu của XHTD; 63,4% em không cho rằng tình huống f) là dấu hiệu của XHTD). Có sự lựa chọn phân hóa như vậy có lẽ bởi vì khi đi học, các em học sinh đã từng gặp tình huống đó và cho rằng đây là điều bình thường mà không biết rằng đó là dấu hiệu cảnh báo của XHTD. Sau khi học, các em học sinh đã nhận diện một cách chính xác tất cả các dấu hiệu XHTD được đưa ra trong phiếu khảo sát.

Chúng tôi tiến hành khảo sát vấn đề nhận thức về XHTD với câu hỏi: “XHTD sẽ dẫn tới hậu quả gì cho nạn nhân, cho gia đình nạn nhân và cộng đồng, xã hội?”. Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4: Tỷ lệ % nhận thức về hậu quả của XHTD trước và sau tập huấn

	Trước		Sau	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
12. XHTD dẫn tới hậu quả gì?				
a. Trẻ em tự tử.	56,3	43,7	82,1	17,9
b. Không để lại hậu quả gì.	8,0	92,0	0,0	100
c. Trẻ em luôn lo âu, sợ hãi.	94,6	5,4	100	0,0
d. Tồn thương sức khỏe, tinh thần của trẻ.	96,4	3,6	100	0,0
e. Gia đình cùng trẻ bị kì thị.	47,3	52,7	33,9	66,1
f. Hủy hoại văn hóa và truyền thống dân tộc.	56,3	43,7	96,4	3,6
g. Không khí sợ hãi trong cộng đồng, xã hội.	82,1	17,9	85,7	14,3

Dù trước hay sau khi học thì vị trí thứ nhất trong các hậu quả mà XHTD gây ra đó là “Tồn thương sức khỏe, tinh thần của trẻ” (d) và “Trẻ em luôn lo âu, sợ hãi” (c). Trước khi học, 96,4% số

học sinh đồng ý quan điểm d) và 94,6% số học sinh hoàn toàn đồng ý quan điểm c) là đúng. Tiếp theo đó, đứng ở vị trí tiếp theo là quan điểm “Không khí sợ hãi trong cộng đồng, xã hội” với 82,1%

số học sinh hoàn toàn đồng ý là hậu quả của XHTD. Bên cạnh đó, 56,3% số học sinh cho rằng XHTD hủy hoại văn hóa và truyền thống dân tộc và cũng có 56,3% em cho rằng XHTD dẫn tới trẻ em tự tử. Sau đó, 47,3% cho rằng gia đình cùng trẻ bị kỳ thị.

Sau khi học, có sự dao động nhẹ trong số lượng học sinh lựa chọn các quan điểm. Cụ thể là, 100% số học sinh đồng ý với quan điểm c, d. Tiếp đến các quan điểm f, g, a lần lượt là 96,4%,

85,7% và 82,1%. Thấp hơn cả đó là quan điểm gia đình cùng trẻ bị kỳ thị với 33,9% số học sinh lựa chọn là đúng. Từ đó, chúng ta có thể thấy rằng XHTD có thể dẫn tới việc tổn thương tâm lý, ảnh hưởng trực tiếp tới thể chất và cuộc sống của các em.

Cuối cùng, chúng tôi tiến hành đo cách học sinh xử lý những tình huống nguy cơ. Số liệu được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5: Tỷ lệ % cách ứng xử của học sinh trước và sau tập huấn

	Trước		Sau	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
Tôi sẵn sàng tiết lộ các tình huống nguy cơ bị xâm hại tình dục cho người lớn.	56,3	43,7	82,1	17,9
Tôi có thể chia sẻ với bạn những nội dung về tình huống nào là an toàn, tình huống nào là XHTD.	47,3	52,7	96,4	3,6
Tôi nói không và tránh xa các tình huống không phù hợp khi người khác yêu cầu một cái ôm, vuốt tóc, đụng chạm bởi người mà tôi không thích.	48,2	51,8	94,6	5,4

Có thể nói, học sinh nhận thức và sẵn sàng về mặt hành vi sẽ tiết lộ các tình huống nguy cơ bị xâm hại tình dục cho người lớn, tự tin chia sẻ với bạn những nội dung về tình huống nào là an toàn, tình huống nào là XHTD và có kỹ năng nói không, tránh xa và nói ra các tình huống nguy cơ mất an toàn hoặc không phù hợp.

5. Kết luận

Như vậy, nghiên cứu cho thấy trước khi tập huấn, nhận thức của học sinh về XHTD còn nhiều hạn chế, thể hiện cả ở các mặt khả năng nhận thức về các tình huống XHTD, các tình huống an toàn

hay không an toàn, nạn nhân, thủ phạm của XHTD, hậu quả của XHTD cũng như các hành vi ứng xử phù hợp với tình huống nguy cơ XHTD.

Tuy nhiên, sau khi được tập huấn, các chỉ báo về kiến thức liên quan đến các nội dung phòng chống xâm hại tình dục (như có nhận diện được tình huống nào là an toàn, tình huống nào là xâm hại, hậu quả của XHTD) đều tăng lên. Thái độ quan điểm của học sinh (như biết thể hiện thái độ với hành vi không phù hợp, tăng lòng tự tin, cương quyết và nhất quán khi nói không với những hành vi xấu) cũng tăng. Ngoài ra, các

cách ứng xử phù hợp với các tình huống giả định (như một cái ôm, vuốt tóc, đụng chạm bởi người mà tôi không thích) cũng tăng lên. Những số liệu này bước đầu chứng minh tác động tích cực của chương trình tập huấn XHTD đến nhận thức và hành vi của học sinh.

Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu này là chưa đánh giá được thời gian duy

trì những kiến thức, kỹ năng đã học được sau khi kết thúc chương trình tập huấn (Ví dụ như mức hiểu biết và kỹ năng 3 tháng, 6 tháng sau tập huấn như thế nào). Chúng tôi sẽ tiếp tục đo lường tác động của chương trình tập huấn trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Austrian Aids & World Vision. (2014a). *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em – hướng dẫn thảo luận với cha mẹ và người chăm sóc trẻ*.
- Austrian Aids & World Vision. (2014b). *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em – tài liệu cho trẻ em*.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. (2017). *Bảo vệ chăm sóc trẻ em: Cần chung tay cả cộng đồng*. Truy cập ngày 20/7/2018, từ <http://www.molisa.gov.vn/vi/pages/chitiettin.aspx?IDNews=26233>.
- Davis, M. K., & Gidycz, C. A. (2000). Child sexual abuse prevention programs: A meta-analysis. *Journal of Clinical Child Psychology*, 29, 257–265. doi:10.1207/S15374424jccp2902_11.
- Hải, N. L. (2016). *Cẩm nang giáo dục giới tính, giúp trẻ tránh bị xâm hại, “Luật bàn tay” và “Nguyên tắc đồ lót”*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- NSPCC. (2009). *The definitions and signs of child abuse*. Truy cập ngày 20/7/2018, từ <http://www.ncl.ac.uk/studentambassadors/assets/documents/NSPCCD>.
- Sinart King & Lynne Benson. (2006). *Tài liệu tập huấn an toàn cho trẻ em, Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh*.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long & Room to Read. (2017). *Tài liệu tập huấn phòng chống bạo hành và xâm hại trẻ em*.
- Son, H. V. & nnk. (2017a). *Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường cho học sinh*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Son, H. V. & nnk. (2017b). *Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển. (2014). *Hãy tôn trọng cơ thể tôi*. Nxb Hà Nội.
- Thúy, P.T. (2017). *Cẩm nang phòng tránh bị xâm hại tình dục cho con – Cha mẹ cần biết trước khi quá muộn!*. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- WHO, UNOCD & UNDP. (2014). *Global status report on violence prevention 2014*. Truy cập ngày 20/7/2018, tại http://www.who.int/violence_injury_prevention/violence/status_report/2014/en/.

**ASSESSING THE IMPACT OF SEXUAL ABUSE PREVENTION PROGRAM
FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS***Tran Thanh Nam*

VNU University of Education

Email: tranthanhnam@gmail.com

(Received: 14/10/2023, Revised: 25/10/2023, Accepted for publication: 18/12/2023)

ABSTRACT

In Vietnam, a structured and comprehensive child sexual abuse prevention program for school-aged children within the school environment is conspicuously absent. This study endeavors to evaluate the efficacy of a school-based child sexual abuse prevention program targeting primary school students in the 4th and 5th grades. Employing a quasi-experimental design involving pretests and post-tests, this research enlisted 448 of fourth and fifth-grade students. The training regimen encompassed seven modules conducted over four consecutive weeks, with one session per week. The findings demonstrate a substantial positive impact on primary prevention, notably in enhancing the knowledge, awareness, and abuse prevention skills of all children following the intervention.

Keywords: *Child sexual abuse, primary school students, educational program*